



## Chùa Làng Tán Lộc

Lê Ngọc Vân

Làng Tán Lộc quê ngoại tôi có 2 nơi thờ tự đều gọi là chùa, chùa thờ Phật và chùa thờ Ngài Quan Thánh Đế Quân, tức Ông Quan Công - Quan Vũ - Quan Vân Trường, là nhân vật chính yếu trong 3 anh em kết nghĩa Đào Viên: Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, trong truyện Tam Quốc Diễn Nghĩa của xứ Tàu hồi xưa. Dân làng gọi là Chùa Thánh, có nơi gọi là Chùa Ông, các nơi ở xứ khác cũng gọi các tên như vậy.

Tại phố Phan Rang có Chùa Ông nơi chợ Dinh là cơ ngơi cổ xưa và nguy nga nhất thờ Quan Công của người Hoa ở tỉnh Ninh Thuận. Bảng tên bằng chữ Hán đắp phía trước tiền sảnh của Chùa Thánh ghi là Quan Thánh Tự, gọi là chùa như dân gian gọi, chùa chữ Hán Việt ghi là tự cũng vậy, là nơi thờ Phật.

Về gốc gác, việc xây cất Chùa Thánh do ảnh hưởng về văn hóa của Trung Hoa hồi thời kỳ Bắc thuộc, các nhân vật được thần thánh hóa từ bên Tàu truyền qua, Quan Công là nhân vật được tôn sùng về nhân cách, tài năng, thành tích, hiển Thánh..., Theo lời bàn của các nhân sĩ, theo triết lý của đạo Khổng Mạnh, thành ngưỡng vọng của nhân gian, lan truyền trong nhiều cộng đồng các nước ảnh hưởng tư tưởng triết học Đông Phương, dù chỉ là truyện dài nhiều tập do tác giả La Quán Trung bên Tàu thuở xưa dàn dựng nên. Cũng như Tôn Ngộ Không - Tề Thiên Đại Thánh trong truyện Tây Du Ký của xứ Tàu, được phong Đại Thánh, Phật Giáo đại thừa bên Tàu phong là Chiến Đấu Thắng Phật.

Thứ nữa là thời kỳ “Phản Thanh phục Minh” ở bên Tàu, vào thế kỷ XVII, XVIII, các tôi thần Nhà Minh thua trận, thua thế, bị truy bức, chạy lánh nạn đã lần lượt kéo sang xứ ta, quy phục Chúa Nguyễn, rồi về sau là Triều Nguyễn, hòa đồng vào dân Việt, có vợ có chồng là người Việt, đóng góp công sức vào việc bảo vệ, xây dựng quê hương thứ 2, nhiều người đã làm quan lớn, có công lớn với xứ sở Việt Nam.



Ở làng Tán Lộc có dòng dõi của Ông Phan Trung (1814-1886), gốc gác là họ Trần ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa, từ thời ông nội của Ông sang ở, khoảng trước năm 1770, đổi thành họ Phan, rồi ưng vợ, thành chồng, sinh con đẻ cháu với người Việt, hòa nhập thành cộng đồng người Việt của làng. Ông làm quan hàm Tứ phẩm của triều đình Tự Đức, có nhiều công trạng, sau theo Bình Tây đại nguyên soái Trương Định chống giặc Pháp (cháu ruột của ông là Phan Lành, cũng khởi nghĩa chống Pháp tại Ninh Thuận, bị xử tử, bêu đầu trước Chùa Ông ở Phan Rang).

Ông Phan Trung bị vua Tự Đức hạch tội, áp giải về triều, nửa đường ông dùng thuốc độc tuẫn tiết. Về sau, dân chúng ở nhiều nơi mà ông đã kinh qua các công việc

lãnh đạo giúp dân về nông nghiệp, giao thông, khởi nghĩa chống giặc Pháp,... Từ Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Tây Ninh, các tỉnh Nam Bộ,... đã lập am, miếu tôn thờ, giỗ kỵ để tưởng nhớ công ơn lớn lao của ông. Nơi Ông an táng, thờ tự là miếu Cây Đa ở cầu Ba Ngòi, Cam Ranh, quanh năm khói hương ẩm cúng. Sau này, con cháu di dời hài cốt của Ông về mộ tộc ở làng Hòa Thủy cải táng.

Chùa Thánh thường do dân người gốc Hoa sang xứ Việt cư ngụ làm ăn, xây dựng, là văn hóa tâm linh của người Hoa, là ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa vào cộng đồng người Việt tại nơi ấy, là sự hòa nhập văn hóa, con người, các dân tộc, sự tích, lịch sử,... Làng Tán Lộc là quê hương mới của di dân Việt các xứ phía Bắc, của nhánh người Hoa hòa nhập, nên việc xây cất chùa Thánh ở làng là do công sức của dân cả làng, có các sắc thái văn hóa Việt hòa hợp với văn hóa Trung Hoa, từ hình thái, mẫu mã, màu sắc, thiết trí, bàn thờ, hình tượng, chữ viết,... đã phần là đặc trưng của người Tàu xưa.

Suy tính về chiều dài lịch sử của làng, có lẽ Chùa Thánh được xây dựng vào khoảng năm 1830-1850, sau khi được các cấp triều đình cấp phép lập làng, sau khi dân làng dựng lập Đình tạm thời (1820-1840) ở cuối làng. Hồi còn Chùa Thánh cũ, cách xây cất kiên cố theo kiểu mẫu, hoa văn, trang trí, thờ phụng... nửa Tàu, nửa Việt, dân cả làng đều tín ngưỡng, tôn thờ, cùng nhau đóng góp công sức tiền tài để xây dựng, tu bổ, tổ chức lễ lạc thành tập tục, tập quán của dân làng. Theo thời gian và do chiến tranh liên miên, Chùa Thánh xuống cấp nhiều, rồi hư nát, đến năm 2000 mới trùng tu toàn diện lại, được cộng đồng người Hoa ở vùng Phan Rang tăng cường, hỗ trợ về tài vật, công sức, hình tượng, màu sắc trang trí,... như là làm mới lại.



Trong chánh điện có bàn thờ Tượng Quan Công chính giữa, hộ vệ tả hữu tướng là Quan Bình - con nuôi của Ông, với nghĩa đệ Trương Phi, có giàn gương, giáo, chùy, giản,..là binh khí hồi xưa. Ngày cúng giỗ Quan Thánh là ngày 24 tháng 6 Âm lịch hàng năm, nên đúng ngày này, vào giờ Tý 0 giờ là lễ Tế Quan Thánh, sau đó là cúng ở gian thờ Hội Đồng, bệ thờ Hội Đồng là linh vị của các Tiên hiền, các thế hệ người lớp trước của làng đã mất, đưa về thờ ở gian thờ này.

Trong ngày 24/6 là đãi tiệc cho dân làng, khách mời xa gần đến cúng kính, vọng tưởng Thánh Thần và hương linh các bậc Tiên hiền. Nội dung văn tế là nêu nơi chốn, thời gian tổ chức, lễ vật dâng lên, nhắc lại công đức của Quan Thánh, các danh hiệu phong Thánh, phong Thần đang thờ trong Chùa, lời cầu mong sự độ trì, gia hộ cho dân làng được bình an, làm ăn tấn tới, quê hương Tấn Lộc phát triển vững bền,...

Thường lệ này đã góp phần gắn bó tình làng nghĩa xóm, họ hàng thân tộc, người ở gần kề đi xa, người mới đến trú ngụ, tạo nên mối dây thân ái, giúp đỡ nhau, góp sức với nhau lo việc của dân, của làng Tấn Lộc ngày một tốt hơn, hay hơn.

\* \* \*

Về chùa thờ Phật, hồi đó dân cả làng Tấn Lộc đều theo Phật giáo, nhưng có người thường đi lễ chùa, có người ít đi, có ít người hầu như không đi chùa, tùy theo tập quán mỗi nhà, nhưng nhà có việc tang ma, cúng cầu an,... thì tất cả đều mời Ban Hộ niệm của chùa đến làm thủ tục lễ tang, cúng kính. Chùa là cơ sở thờ tự có gốc gác xây dựng sau Đình, Miếu, chùa Thánh. Không biết tại sao như vậy? Có thể do người Việt di dân vào xứ này lo làm ăn, ổn định cuộc sống, chính yếu là gắn liền, liên quan đến đất đai, môi trường, khí hậu, đáng bẽ trên cai quản thiên nhiên sở tại, nên phải nghĩ tới Thành Hoàng, Ngũ Hành, đất đai, xứ sở,... là việc lo chung, nên phải xây cất cho có nơi thờ tự, cầu xin sự gia hộ độ trì của các vị Thánh Thần này. Hai sự việc không liên quan nhau, chưa cần thiết về xây cất chùa thờ Phật, vì niềm tin tôn giáo chưa thực sự cấp thiết, đến khi yên ổn về hoàn cảnh, kinh tế, đời sống mới lo nghĩ đến chuyện tâm linh tôn giáo, dân làng mới lo đến việc xây chùa.

Thời đó, hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam chưa dần trải rộng, mỗi nơi tự phát là chính, nên tùy nơi, tùy lúc, tùy duyên mà phát triển. Chiến tranh liên miên qua thời gian dài, đời sống có nhiều khó khăn, người dân lo cho sự sống, cuộc sống hàng ngày là chính. Qua hỏi thăm người lớn, hồi đầu thế kỷ XX, khoảng năm 1920, Chùa thờ Phật được xây cất trong nhà của ông Bộ Ba, là gia đình khá giả, ở giữa làng, ông lập chùa để mọi người đến cúng kính, kinh kệ, lạy Phật, cùng tìm sự bình an cho mình, cho nhà mình, cho họ hàng thân tộc.

Đến khoảng năm 1956-1957, thời chiến tranh đã qua, đời sống người dân cũng khá dần, có gia đình một Phật tử tâm nguyện cúng dường một khoảng đất của nhà, chừng 1 sào, để xây chùa thờ Phật, thuận lợi cho dân làng có nơi tới lui tìm tu học Phật, rồi quyên góp công sức tài vật từ nhiều nguồn cúng dường, xây nên ngôi chùa khang trang, đầy đủ các phần việc là chánh điện, nhà Tổ, nhà Tây nơi là làm bếp, nhà Đông là nơi tiếp khách, sân trước, sân giữa, công, rào,... Chánh điện có bệ thờ Phật, chỉ đặt một tượng Phật Thích Ca trên cao giữa bệ thờ, các vật trang trí cúng lễ, chân đèn, lư nhang, cổ bông, lục bình, khay ly nước, bệ thấp đặt chuông mõ để tụng niệm. Bên góc phía Tây đặt giá trống, góc phía Đông đặt giá chuông để dọn chuông, gióng trống mỗi khi hành lễ, khoảng trống rộng rãi dành cho các Phật tử làm lễ Phật. Phía giữa trước sân có ụ trụ cờ, treo

cờ Phật giáo lên khi có lễ lạc. Nhà sau là nhà Tổ, có thờ hình Tổ Đạt Lai Lạt Ma quấy cái bầu, đứng ra là chiếc dếp, hai bên tả hữu là bàn thờ các hình nam, nữ hương linh gọi đến chùa thờ cúng. Nhìn chung mọi thứ đều đơn giản, nhưng đủ lễ cách, có lẽ do Phật tử hiểu Đạo chừng như vậy, một phần do đời sống còn nhiều khó khăn sau nhiều năm dài chiến tranh, nhiều thứ còn chừng đối, bây giờ thì khác xưa xa lắm .

\*\*\*

Hồi đó gọi chùa làng là Khuôn hội, bầu cử Ban Đại diện, cử ra vị Khuôn trưởng đại diện cho chùa, rồi mời một người làng tu tại gia làm trụ trì, cũng xuống tóc, áo nâu, rành rạc về lễ tục, chuông mõ, kinh kệ để thường trực chăm lo mọi việc trong chùa, nhưng ở nhà làm ăn với vợ con. Rồi Ban Đại diện chùa vận động thành lập Gia Đình Phật Tử theo phong trào phát triển tổ chức nhi đồng thanh thiếu niên của Giáo hội, do bác Gia trưởng lãnh đạo. Từ đó, lần lượt nhiều con em thanh thiếu niên, nhi đồng của dân làng tham gia vào sinh hoạt, rèn luyện tu tập theo lễ giáo, kỹ năng sống tự lập, sống trong cộng đồng xã hội theo mục tiêu tôn chỉ Bi - Trí - Dũng của đạo Phật. Mọi hoạt động của chùa dần dần đi vào nề nếp, bài bản, theo sự chỉ đạo của Giáo hội và Gia Đình Phật Tử cấp trên. Từ đầu làng đến cuối làng, chòm dân nào, nhà nào có người lớn, thanh niên tham gia GDPT thì cả nhà, cả chòm rủ nhau cùng tham gia sinh hoạt GDPT.

Lực lượng Gia Đình Phật Tử có nhiều hoạt động về tôn giáo, xã hội, huấn luyện các kỹ năng là nghi thức hành lễ, tụng niệm, kinh kệ, chuông mõ, hoạt động văn thể, múa hát, diễn kịch, kỹ năng đời sống trại, thông tin liên lạc, tinh thần vì cộng đồng, cứu hộ cứu nạn,... theo yêu cầu mọi việc đều rèn luyện cho được Tinh Tấn, vươn lên không ngừng để tiến bộ, thông hiểu, sống tốt và sống vì cộng đồng xã hội. Lịch sinh hoạt thường kỳ là ngày chủ nhật, tối 30, 14, ngày Rằm, Mùng Một hàng tháng, các ngày lễ lớn như Lễ Phật Thích Ca đản sanh, Lễ Vu Lan, Tết Trung Thu, Phật Thích Ca thành đạo, Tết Nguyên đán,...thì Phật tử cả Chùa cùng chuẩn bị rộn ràng nhiều việc cả tuần, cả tháng, lo tập dợt - trình diễn văn nghệ, rước đèn, tặng quà người khó khăn, hội thao kỹ năng, hội trại, hội thi toàn tỉnh,...dù thời đó đã quay lại chiến tranh, lại khó khăn, nghèo nàn nhiều mặt. Các đêm văn nghệ thường tổ chức ở sân chùa, hay ở trụ sở thôn, không có thu tiền, bán vé gì cả, dân cả làng đến xem, rộn ràng, vui vẻ, ấm áp tình thân thương, động viên, cổ vũ nhau làm điều thiện, việc tốt. Nhờ đó, các thế hệ này, dân làng có nhiều người tốt, việc tốt, sống hiền hòa, đoàn kết, thương yêu giúp đỡ nhau mọi mặt, thành tính nết chung của một cộng đồng làng quê xưa nhỏ.

Đến năm 2012, do Chùa xuống cấp và không gian hạn hẹp, không thuận lợi cho các hoạt động Phật sự, Phật tử và ni sư trụ trì Chùa kiến nghị lên cấp trên xây dựng chùa mới. Được sự giúp đỡ nhiều mặt của nhiều cá nhân, tổ chức, của Giáo hội, của dân làng, của tín đồ khắp nơi cúng dường, đóng góp nhiều công sức, tiền tài, vật phẩm, Chùa được xây dựng trong thời gian khá dài hơn 3 năm ròng rã, năm 2015, rồi hoàn thành với bề thế, rộng rãi, tiện nghi,... trên đất ruộng giữa Đồng Ông Cổ, là đất ruộng của nông dân ngày trước, giờ đã thành khu dân cư. Mọi hoạt động của Chùa được duy trì và phát triển hơn xưa, thuận lợi cho các thế hệ Phật tử sau này tiếp nối các việc Phật sự của lớp người đi trước nơi cửa Phật ở làng quê. Có những thanh niên, thiếu niên, oanh vũ của Gia Đình Phật Tử hồi đó, giờ đã là ông, bà nội, ngoại, vẫn còn sinh hoạt GDPT, là những người dẫn dắt các thế hệ hiện tại đi theo ngọn đuốc Bi - Trí - Dũng dẫn đường.

Lê Ngọc Vân